TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG H** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25/10/2019
V/v "Ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG H, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị N. Y.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Minh H.
2. Ông Nguyễn Thanh T.

Thư ký phiên tòa: Ông Quang Minh N là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông H, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông H *tham gia phiên toà:*
Ông Trần Trung K - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 338/2019/TLST – HNGĐ, ngày 19 tháng 7 năm 2019 về việc "Ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2019/QĐXX-ST ngày 19 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Kiều D, sinh năm 1987;
Địa chỉ: (Không có số nhà) thuộc ấp Doanh Điền, xã Điền Hải, huyện Đông H, tỉnh B.

Bị đơn: Anh Bùi Thanh T, sinh năm 1986;
Địa chỉ: (Không có số nhà) thuộc ấp Doanh Điền, xã Điền Hải, huyện Đông H, tỉnh B.

(Chị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/5/2019 và các lời khai trong quá trình tố tụng chị Trần Kiều D trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2009 anh chị tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân ly hôn: Trong thời gian chung sống không hạnh phúc, do anh T có người phụ nữ khác và anh chị đã sống ly thân 05 năm. Trong thời gian sống ly thân anh chị cũng không quan tâm đến cuộc sống của nhau, không có biện pháp để hàn gắn cuộc sống vợ chồng. Nay chị xác định vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Bùi Trọng N, sinh ngày 20/9/2010. Hiện đang sống với anh T, khi ly hôn chị đồng ý giao con cho anh T nuôi dưỡng và không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông H, tỉnh B phát biểu quan điểm cho rằng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định Luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Nội dung:

Về hôn nhân: Cho chị Trần Kiều D được ly hôn với anh Bùi Thanh T.

Về con chung: Giao con chung tên Bùi Trọng Nhân, sinh ngày 20/9/2010 cho anh Bùi Thanh T nuôi dưỡng. Hiện anh T đang nuôi dưỡng được giữ nguyên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí sơ thẩm hôn nhân: Chị Trần Kiều D phải nộp số tiền 300.000đ, chị D đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ được chuyển thu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông H về tuân theo pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Kiều D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Bùi Thanh T, có địa chỉ cư trú tại ấp D, xã H, huyện Đông H, tỉnh B. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông H, tỉnh B.

Chị Trần Kiều D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh Bùi Thanh T vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung:

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, đã triệu tập nhiều lần nhưng anh Bùi Thanh T vắng mặt không lý do xem như anh tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng của anh nên chấp nhận theo lời trình bày của chị D.

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2009 anh chị kết hôn trên tinh thần tự nguyện yêu thương nhau. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống không hạnh phúc và hiện anh chị đã sống ly thân 05 năm. Trong thời gian sống ly thân anh chị cũng không tìm được biện pháp để hàn gắn cuộc sống vợ chồng. Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T đến để hòa giải nhưng anh T không đến. Xét thấy, hôn nhân giữa anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D là phù hợp.

Về con chung: Trong thời gian chị D và anh T sống ly thân, con chung do anh T nuôi dưỡng, nên cần tiếp tục giao con chung cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp.

Chị Trần Kiều D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí sơ thẩm hôn nhân: Chị Trần Kiều D phải nộp số tiền 300.000đ, chị D đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông H theo biên lai thu số 0003806 ngày 19/7/2019 được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Kiều D được ly hôn với anh Bùi Thanh T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Bùi Trọng Nhân, sinh ngày 20/9/2010 cho anh Bùi Thanh T nuôi dưỡng. Hiện anh T đang nuôi dưỡng được giữ nguyên.

Chị Trần Kiều D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ: Không có nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm hôn nhân: Chị Trần Kiều D phải nộp số tiền 300.000đ, chị D đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông H theo biên lai thu số 0003806 ngày 19/7/2019 được chuyển thu án phí.

Án xử công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị N. Y

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện Đông H;
- Chi Cục THA.DS huyện Đông H;
- Các đương sự;
- Lưu.